

Số: ~~1204~~/QĐ-HĐQTCSBR

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch SXKD và đầu tư XDCB năm 2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BÀ RỊA

Căn cứ điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa;

Căn cứ công văn số 561/HĐQTCSVN-QLĐTXD ngày 16/7/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc thỏa thuận kế hoạch tổng hợp riêng năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa;

Căn cứ Nghị quyết số 166/NQ-ĐHQTCSBR ngày 04/6/2025 của Đại hội đồng Cổ động thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa;

Căn cứ Nghị quyết số 181/NQ-HĐQTCSBR ngày 13/8/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về phiên họp HĐQT thường kỳ quý III năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch SXKD và đầu tư XDCB năm 2025 Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa với các chỉ tiêu chính như sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU GIAO KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

1. Tổng doanh thu và thu nhập khác	:	593.665 triệu đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	:	180.992 triệu đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	:	162.004 triệu đồng
4. Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu	:	13,68%
5. Năng suất lao động tối thiểu	:	6.21 tấn/người
6. Giá thành toàn bộ/tấn mù khai thác, CB, tiêu thụ	:	36.39 triệu đồng/tấn
7. Kế hoạch đầu tư phát triển và trả nợ ngân hàng	:	52.407 triệu đồng

8. Giá thành toàn bộ/tấn mù cao su khai thác, tiêu thụ trong năm kế hoạch 2025 đã bao gồm các khoản mục cho phí cần thiết và có dự phòng: tổng giá thành khai thác mù nguyên liệu; chi phí chế biến; chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được phân bổ cho lĩnh vực cao su; chi phí lãi vay; lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán sau khi giảm trừ lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong thanh toán; và lãi tiền gửi ngân hàng theo hướng dẫn của Tập đoàn được phân bổ cho một tấn sản phẩm mù cao su khai thác, chế biến, tiêu thụ. Đây là chỉ tiêu pháp lệnh để Công ty phân đầu thực hiện dưới mức chỉ tiêu giá thành được giao.

(Đính kèm bảng phụ lục Kế hoạch tổng hợp của Công ty)

II. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN:

1. Thực hiện theo Nghị quyết số 166/NQ-HĐQTCSBR ngày 04/6/2025 về việc thống nhất việc thông qua một số nội dung để tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

2. Giao Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa để chỉ đạo:

a) Tổ chức, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp phù hợp, có hiệu quả theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị Tập đoàn tại Chỉ thị số 67/CT-HĐQTCSVN ngày 19/02/2025 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đối với các đơn vị thành viên nhằm thực hiện hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch tổng hợp năm 2025, vượt sản lượng ít nhất từ 7% trở lên, tiết kiệm 5% chi phí giá thành được giao, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh/hiệu quả sử dụng vốn và tuân thủ các quy định pháp luật.

b) Thực hiện chính sách tiết giảm chi phí đầu tư, chỉ đầu tư những hạng mục phục vụ sản xuất thật sự cần thiết. Thực hiện việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ chi tiêu giá thành toàn bộ được giao. Tổ chức giám sát và quản lý chặt chẽ chi phí phân bón, chi phí lao động và tiền lương tối đa không vượt kế hoạch đã giao và hướng dẫn của Tập đoàn. Công ty phải tự điều tiết chi phí, giá thành để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế/sau thuế được giao, gắn với điều kiện thực tiễn tại đơn vị và diễn biến của thị trường.

c) Thực hiện nghiêm việc trang bị vườn cây theo đúng quy định của Tập đoàn tại văn bản số 3293/CSVN-QLKT ngày 04/11/2024. Tổ chức phòng trị bệnh phần trắng một cách có hiệu quả, tổ chức phun phòng trị bệnh Botryo ngay trong thời điểm đầu mùa mưa năm 2025 để khắc phục tình trạng khô mặt cạo, thực hiện tốt công tác bảo vệ thực vật nhằm bảo đảm sức khỏe vườn cây ổn định, đạt năng suất cao nhất, theo đó, sản lượng mủ cao su khai thác của đơn vị phải vượt ít nhất từ 7% trở lên.

d) Tuyển dụng và đào tạo đảm bảo đủ lao động thu hoạch mủ ngay từ đầu mùa, chú trọng công tác đào tạo, tập huấn nâng cao tay nghề cho người lao động để nâng cao năng suất lao động, tuyệt đối không để vườn cây kinh doanh không thu hoạch mủ do thiếu lao động.

e) Tổ chức lập và phê duyệt dự toán chăm sóc KTCB vườn cây cao su theo hướng dẫn lập, phê duyệt suất đầu tư tối đa và dự toán chăm sóc cao su KTCB của Tập đoàn; thực hiện quản lý chi phí đầu tư theo hướng dẫn tại Quyết định số 275/QĐ-HĐQTCSVN ngày 02/08/2024 của Tập đoàn v/v phê duyệt chi phí đầu tư tối đa trồng và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản. Tăng cường công tác quản lý và sử dụng phân bón theo chỉ đạo của Tập đoàn.

f) Tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch mua sắm để duy trì hoạt động thường xuyên, hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Tổ chức lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ để duy trì hoạt động thường xuyên, hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư theo hướng công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật và tham chiếu các nội dung phù hợp theo chỉ đạo của Tập đoàn tại văn bản số 1063/HDQTCSVN-KHĐT ngày 29/12/2023 về việc chỉ đạo về công tác lựa chọn nhà thầu trong hoạt động đấu thầu, mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên; văn bản số 1677/CSVN-KHĐT ngày 30/05/2024 của Tập đoàn về việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu đảm bảo chặt chẽ, công khai, minh bạch, tuân thủ quy định, văn bản số 228/CSVN-KHĐT ngày 10/02/2025 về việc tăng cường trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác đấu thầu, mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên.

g) Tổ chức thẩm định và phê duyệt các báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình, báo cáo đầu tư mua sắm thiết bị, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Tổ chức thực hiện đầu tư tuân thủ các quy định pháp luật và tham chiếu quy định phù hợp của Tập đoàn tại Quyết định số 07/QĐ-HĐQTCSVN ngày 13/01/2023 về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư các dự án, hạng mục công trình và góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác do các đơn vị thành viên của Tập đoàn làm chủ đầu tư, chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện đầu tư tiết kiệm chi phí trong đầu tư và tổ chức quản lý đầu tư, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán vốn đầu tư XDCB theo quy định. Thực hiện đầu tư XDCB không được vượt tổng số vốn đã được phê duyệt cho năm kế hoạch, quản lý, giám sát vốn đầu tư; thực hiện các thủ tục pháp lý để ghi nhận giá trị và quản lý sử dụng tài sản đầu tư theo đúng quy định. Không sử dụng vốn của khoản mục này cho các khoản mục đầu tư khác (không sử dụng vốn đầu tư XDCB cho đầu tư tài chính, không sử dụng vốn xây lắp nông nghiệp cho xây lắp khác, thiết bị... và ngược lại).

h) Thực hiện việc tinh gọn bộ máy theo quy định về công tác sắp xếp bộ máy tổ chức, mô hình hoạt động và tỷ lệ lao động gián tiếp đối với các công ty cao su thành viên ban hành kèm theo Quyết định 34/QĐ-HĐQTCSVN ngày 01/3/2024. Nội dung chỉ đạo của Tập đoàn v/v đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với đặc điểm của từng vùng miền, từng doanh nghiệp tại văn bản 3818/CSVN-TCCB ngày 23/12/2024.

i) Tập hợp thông tin vùng sản xuất trên ứng dụng hệ thống thông tin địa lý, thông tin pháp lý trong sử dụng đất để xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản đáp ứng quy định chống phá rừng của châu Âu (EUDR) theo lộ trình của liên minh châu Âu để mang lại giá trị thương hiệu, giá trị kinh tế cao cho sản phẩm.

j) Thực hiện quyền và trách nhiệm của người đại diện vốn theo đúng Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn Tập đoàn tại doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-HĐQTCSVN ngày 13/02/2023 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Người đại diện phần vốn Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần tại doanh nghiệp khác.

k) Xin ý kiến Tập đoàn khi có thay đổi quyết định đầu tư, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác và các vấn đề khác theo Quy chế quản lý Người đại diện vốn Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP tại doanh nghiệp khác (*Quyết định số 35/QĐ-HĐQTCSVN ngày 13/02/2023; Quyết định số 07/QĐ-HĐQTCSYN ngày 13/01/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP*) và các quy định.

3. Thông qua Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ phần Cao su Bà Rịa để:

a) Tập trung thực hiện các thủ tục và tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền của địa phương; Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch phân khu KCN để được chấp thuận chủ trương cho Công ty làm chủ đầu tư các KCN Bắc Châu Đức 2 - GD1 diện tích 400 ha, và KCN Bắc Châu Đức 3 - GD1 diện tích 405,58 ha.

b) Khẩn trương rà soát các quy hoạch của địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1629/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2023 V/v phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 04 năm 2025 V/v Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, để thực hiện thủ tục đăng ký chấp thuận chủ trương đầu tư các khu/cụm công nghiệp, các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ, dự án năng lượng tái

tạo quy hoạch trên đất cao su do đơn vị quản lý theo quy định pháp luật về đất đai và đầu tư theo chỉ đạo tại văn bản 202/CSVN-PIQLKCN ngày 06/02/2025 của Tập đoàn.

c) Thực hiện thủ tục theo quy định để bổ sung ngành nghề kinh doanh và đầu tư vào lĩnh vực sản xuất năng lượng sạch và điện để đăng ký chủ trương đầu tư và chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đã được bổ sung vào Quy hoạch điện VIII (Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)

d) Công ty thực hiện giám sát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn, thu chi tài chính và có giải pháp hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện hồ sơ thủ tục pháp lý dự án bằng nhiều hình thức phù hợp, hiệu quả nhằm giúp các đơn vị khắc phục các tồn tại và hoạt động hiệu quả, ổn định, bảo toàn và phát triển vốn theo quy định.

4. Đối với tiền lương năm 2025: Trường hợp các chỉ tiêu SXKD để xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2024 có sự thay đổi do điều chỉnh theo Báo cáo tài chính 2024 (đã được kiểm toán), quyết toán thuế Công ty tính toán lại mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2024, làm cơ sở để xây dựng mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025 phù hợp theo quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước, nhưng không vượt quá mức tiền lương theo kế hoạch thỏa thuận.

5. Các đơn vị và cá nhân được phân công và có liên quan cần nỗ lực phấn đấu, tập trung chỉ đạo sản xuất, thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Công ty về trang bị vườn cây, phun phòng trị bệnh, công tác bảo vệ thực vật, quản lý và sử dụng phân bón, tuyển dụng đủ lao động thu hoạch mùa ngay từ đầu mùa, tuyệt đối không để vườn cây kinh doanh không thu hoạch mùa do thiếu lao động để hoàn thành vượt mức sản lượng mùa cao su khai thác năm 2025. Ngoài ra, cần rà soát tổng thể diện tích để xem xét xây dựng phương án chuyển đổi cây trồng hoặc các lĩnh vực khác phù hợp với quy hoạch của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

Điều 2. Trên cơ sở kế hoạch được thông qua, các đơn vị và cá nhân được phân công và có liên quan phối hợp, chủ động tham mưu triển khai thực hiện. Đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đạt và vượt, các hạng mục đầu tư thực hiện và quyết toán vốn theo đúng quy định trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả và đạt chất lượng.

Việc triển khai thực hiện từng nội dung trong SXKD và đầu tư phù hợp với đặc điểm, tình hình tại Công ty.

Điều 3. Tổng Giám đốc Công ty, các đơn vị và cá nhân được phân công và có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD và đầu tư XDCB năm 2025 theo quy định.

Nơi nhận :

- HĐQT Công ty (để biết);
- Ban Điều hành, BKS Công ty;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Hải Dương

PHỤ LỤC

(Đính kèm văn bản số: 1204 /QĐ-HDQTCSBR ngày 13 tháng 8 năm 2025)

Kế hoạch tổng hợp



TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
(A)	(B)	(1)	(2)
I	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG		
1	Diện tích	ha	
1.1	Diện tích cao su	ha	8.037,41
a	Tổng diện tích vườn cây KTCB	ha	1.989,33
-	Diện tích cao su tái canh	ha	469,82
-	Diện tích chăm sóc KTCB	ha	1.519,51
	Trong đó: Cạo rải vụ	ha	0,00
b	Tổng diện tích cao su khai thác	ha	6.048,08
-	Diện tích cao su tự khai thác	ha	6.048,08
-	Diện tích khoán cạo, nhượng quyền	ha	0,00
c	Diện tích thanh lý trong kỳ	ha	369,29
1.2	Diện tích chuyển trồng cây khác	ha	122,63
2	Tổng sản lượng cao su khai thác	tấn	8.800,00
a	Khai thác trong kế hoạch	tấn	8.800,00
-	Sản lượng cao su tự khai thác	tấn	8.800,00
-	Sản lượng khoán khai thác, nhượng quyền	tấn	0,00
b	Sản lượng cao su cạo rải vụ	tấn	0,00
3	Năng suất	Tấn/ha	1,46
4	Nguyên liệu, thành phẩm		
4.1	Nguyên liệu (mủ nguyên liệu)		
a	Tồn kho đầu năm	tấn	387,42
-	Thu mua tồn kho	tấn	0,00
-	Khai thác tồn kho	tấn	387,42
b	Sản xuất, thu mua trong năm	tấn	9.800
-	Cao su thu mua	tấn	1.000
-	Cao su khai thác	tấn	8.800
c	Chế biến	tấn	11.800
-	Cao su thu mua	tấn	1.000
-	Cao su khai thác	tấn	8.800
-	Gia công	tấn	2.000
d	Tồn kho cuối năm	tấn	387,42
-	Cao su thu mua	tấn	0,00
-	Cao su khai thác	tấn	387,42
4.2	Thành phẩm		
a	Tồn kho đầu năm	tấn	1.175,32



TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
(A)	(B)	(1)	(2)
-	Cao su thu mua	tấn	0,00
-	Cao su khai thác	tấn	1.175,32
b	Tăng trong năm	tấn	9.800
-	Cao su thu mua	tấn	1.000
-	Cao su khai thác	tấn	8.800
-	Mua thành phẩm mủ cao su	tấn	
c	Tiêu thụ trong năm	tấn	9.800
-	Cao su thu mua	tấn	1.000
-	Cao su khai thác	tấn	8.800
	<i>Trong đó</i>		
-	<i>Xuất khẩu</i>	<i>tấn</i>	<i>3.000</i>
-	<i>Nội tiêu</i>	<i>tấn</i>	<i>6.800</i>
d	Tồn kho cuối năm	tấn	1.175,32
-	Cao su thu mua	tấn	0,00
-	Cao su khai thác	tấn	1.175,32
II	SẢN XUẤT KINH DOANH		
1	DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	445.100
	<i>Trong đó:</i>		
-	Doanh thu cao su khai thác	triệu đồng	391.600
-	Doanh thu cao su thu mua	triệu đồng	44.000
-	Doanh thu khác	triệu đồng	9.500
2	Giá vốn hàng bán	triệu đồng	343.173
	<i>Trong đó:</i>		
-	Cao su khai thác	triệu đồng	290.969
-	Cao su thu mua	triệu đồng	43.684
-	Giá vốn khác	triệu đồng	8.520
3	LN gộp về BH và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	101.927
	<i>Trong đó:</i>		
-	Lợi nhuận gộp của cao su khai thác	triệu đồng	100.631
-	Lợi nhuận gộp của cao su thu mua	triệu đồng	316
-	Lợi nhuận gộp của hoạt động khác	triệu đồng	980
4	Doanh thu hoạt động tài chính	triệu đồng	58.147
5	Chi phí hoạt động tài chính	triệu đồng	120
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>0</i>
6	Chi phí bán hàng	triệu đồng	6.693
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	26.830
8	LN thuần từ hoạt động kinh doanh	triệu đồng	126.431
9	Thu nhập khác	triệu đồng	90.418

Ch

TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
(A)	(B)	(1)	(2)
10	Chi phí khác	triệu đồng	35.857
11	Lợi nhuận khác	triệu đồng	54.561
12	Lợi nhuận kế toán trước thuế	triệu đồng	180.992
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	triệu đồng	18.988
14	Lợi nhuận kế toán sau thuế	triệu đồng	162.004
III	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
1	Lợi nhuận kế toán sau thuế	triệu đồng	162.004
2	Bù lỗ lũy kế (nếu có)	triệu đồng	0
3	Lợi nhuận phân phối	triệu đồng	162.004
4	Trích quỹ đầu tư phát triển	triệu đồng	48.601
5	Trích quỹ thưởng người quản lý	triệu đồng	553
6	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2 tháng)	triệu đồng	23.256
7	Chia/ứng cổ tức tối thiểu	triệu đồng	89.594
IV	THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NSNN		
1	Số đầu năm	triệu đồng	0
2	Số phát sinh tăng trong năm	triệu đồng	86.248
3	Số phát sinh giảm trong năm	triệu đồng	86.248
4	Số cuối năm	triệu đồng	0
V	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH		
1	Vốn chủ sở hữu (đầu kỳ)	triệu đồng	1.323.400
a	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (điều lệ)	triệu đồng	1.125.000
b	Quỹ đầu tư phát triển	triệu đồng	198.400
c	Nguồn vốn đầu tư XDCB	triệu đồng	
d	Nguồn vốn CSH khác	triệu đồng	
e	Nguồn vốn Tập đoàn tạm ứng (TNHH MTV)	triệu đồng	
2	Vốn chủ sở hữu bình quân	triệu đồng	1.323.400
3	Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu BQ	%	13,68
4	Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	Lần	7,67
VI	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN		
1	Tổng nhu cầu vốn và trả nợ ngân hàng	triệu đồng	52.407
a	Đầu tư XDCB	triệu đồng	50.826
-	Tổng xây lắp	triệu đồng	31.293
-	Tổng thiết bị	triệu đồng	1.025
-	Tổng KTCB khác	triệu đồng	18.508
b	Thanh toán vốn thiếu năm trước	triệu đồng	1.581
c	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	triệu đồng	
d	Đầu tư tài chính dài hạn	triệu đồng	

TT	Nội dung	ĐVT	Giá trị
(A)	(B)	(1)	(2)
2	Nguồn vốn	triệu đồng	52.407
a	Khấu hao tài sản cố định	triệu đồng	19.662
b	Nguồn vốn chủ sở hữu hiện có	triệu đồng	
c	Vốn góp của cổ đông	triệu đồng	
d	Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	triệu đồng	
đ	Quỹ đầu tư phát triển	triệu đồng	32.745
e	Lợi nhuận chưa phân phối	triệu đồng	
f	Vốn vay	triệu đồng	
g	Quỹ nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	
h	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	triệu đồng	
i	Vốn khác	triệu đồng	
VII	KẾ HOẠCH KHÁC		
1	Kế hoạch chi phí phân bón		21.954
a	Chi phí bón phân cho vườn cây KD	triệu đồng	13.910
b	Chi phí bón phân cho vườn cây XDCB	triệu đồng	8.044
2	Kế hoạch tiền lương		127.585
2.1	Năng suất lao động		
	Số lao động tối đa	người	1.418
	Năng suất lao động tối thiểu	tấn/lao động	6,21
2.2	Tổng quỹ lương		150.650
a	Quỹ lương SXKD		140.774
	Quỹ lương khai thác	triệu đồng	119.188
	Quỹ lương chế biến	triệu đồng	8.397
	Bộ phận bán hàng	triệu đồng	225
	Quản lý doanh nghiệp	triệu đồng	12.964
b	Quỹ lương KTCB	triệu đồng	7.290
c	Quỹ lương khác		2.586
-	Quỹ lương thu mua, gia công		2.586
2.3	Tiền lương bình quân/tấn		16,00
3	Giá thành/tấn mủ KT, CB, tiêu thụ	Triệu/tấn	36,39
4	Lợi nhuận/tấn mủ KT, CB, tiêu thụ	Triệu/tấn	8,11